



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 8428 - 37560110 – 37561191 Fax: 8428 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý2 năm 2018	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến cuối 6 tháng năm 2018	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đến cuối Quý 2 năm 2018	05 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.038.409.675.379	3.000.838.960.506
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	281.099.201.168	344.734.620.233
111	1. Tiền		163.099.201.168	303.734.620.233
112	2. Các khoản tương đương tiền		118.000.000.000	41.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		48.000.000.000	17.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	48.000.000.000	17.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		953.652.195.609	499.228.125.398
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	898.629.077.475	456.871.750.759
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	40.049.153.686	27.565.467.249
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	19.496.819.150	22.322.632.229
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.531.724.839)	(7.531.724.839)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.008.870.137	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.730.440.713.995	2.099.092.747.404
141	1. Hàng tồn kho		1.730.440.713.995	2.099.092.747.404
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.217.564.607	40.283.467.471
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.558.659.570	2.215.696.247
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.840.742.513	21.269.762.116
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	3.818.162.524	16.798.009.108
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		835.089.058.579	840.012.456.902
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.411.502.545	8.670.363.545
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	6.411.502.545	8.670.363.545
220	II. Tài sản cố định		754.437.661.239	776.665.408.966
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	465.162.269.512	429.730.425.675
222	- Nguyên giá		803.182.706.965	718.744.457.199
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(338.020.437.453)	(289.014.031.524)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	10.749.645.072	52.329.317.580
225	- Nguyên giá		24.212.050.613	76.967.394.534
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.462.405.541)	(24.638.076.954)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	278.525.746.655	294.605.665.711
228	- Nguyên giá		285.390.718.363	300.397.008.275
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.864.971.708)	(5.791.342.564)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		60.178.871.048	41.337.192.473
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	60.178.871.048	41.337.192.473
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		8.512.088.135	8.512.088.135
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.11	11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.149.830.736)	(3.149.830.736)
	VI. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.548.935.612	4.827.403.783
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.960.766.690	3.396.841.195
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	724.759.881
269	3. Lợi thế thương mại	V.12	588.168.922	705.802.707
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.873.498.733.958	3.840.851.417.408

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.678.182.043.145	2.619.998.816.872
310	I. Nợ ngắn hạn		2.454.617.757.394	2.449.228.002.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	396.311.977.253	369.812.665.003
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	50.776.720.548	20.899.637.897
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	127.224.250.032	134.371.545.565
314	4. Phải trả người lao động		22.323.599.920	26.178.211.952
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	86.208.709.461	66.979.208.649
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	131.141.597.527	46.917.870.665
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	1.608.187.218.224	1.769.632.771.014
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	32.443.684.429	14.436.091.941
330	II. Nợ dài hạn		223.564.285.751	170.770.814.186
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	223.564.285.751	170.770.814.186
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.195.316.690.813	1.220.852.600.536
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	1.195.316.690.813	1.220.852.600.536
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		19.640.059.200	15.050.059.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		163.972.780.907	122.111.329.093
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.191.833.055	11.927.892.981
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		193.524.601.687	253.904.393.401
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		86.742.027.953	91.266.602.079
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		106.782.573.734	162.637.791.322
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		233.307.485.964	246.178.995.861
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.873.498.733.958	3.840.851.417.408

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.045.196.140.498	2.086.249.049.138	3.402.540.315.413	3.273.602.906.500
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	41.352.689.534	35.416.275.939	57.015.534.207	50.137.127.865
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.003.843.450.964	2.050.832.773.199	3.345.524.781.206	3.223.465.778.635
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.724.878.898.618	1.722.302.680.780	2.893.816.236.649	2.722.610.850.756
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		278.964.552.346	328.530.092.419	451.708.544.557	500.854.927.879
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.805.136.085	1.164.880.354	2.696.478.943	2.290.115.951
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	43.856.150.039	41.041.182.084	71.637.666.380	66.498.994.055
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		29.917.782.958	26.138.547.952	57.432.884.346	48.836.777.640
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	92.370.680.670	81.493.234.541	160.455.180.852	126.519.599.342
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	32.613.758.034	33.324.622.845	59.041.037.962	55.884.434.614
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.929.099.688	173.835.933.303	163.271.138.306	254.242.015.819
31	12. Thu nhập khác	VI.8	13.205.092.822	68.535.714	13.752.850.489	609.659.306
32	13. Chi phí khác	VI.9	522.268.501	413.822.694	654.983.162	852.284.620
40	14. Lợi nhuận khác		12.682.824.321	(345.286.980)	13.097.867.327	(242.625.314)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		124.611.924.009	173.490.646.323	176.369.005.633	253.999.390.505
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	22.070.463.660	31.635.384.875	31.936.924.515	46.430.569.073
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		102.541.460.349	141.855.261.448	144.432.081.118	207.568.821.432
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		72.658.956.975	110.972.552.455	106.782.573.734	167.983.277.613
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		29.882.503.374	30.882.708.992	37.649.507.384	39.585.543.819
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.144	1.786	1.681	2.703
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	1.144	1.786	1.681	2.703

Người lập biểu

TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN TẤN SƠN



NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		176.369.005.633	253.999.390.505
	2. Điều chỉnh cho các khoản		81.983.998.206	84.125.324.917
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		38.904.363.660	36.449.676.650
03	- Các khoản dự phòng		-	264.116.190
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.353.249.800)	(1.425.245.563)
06	- Chi phí lãi vay		57.432.884.346	48.836.777.640
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		258.353.003.839	338.124.715.423
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(479.201.431.824)	(257.493.772.982)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		368.652.033.409	(127.134.886.454)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		59.782.052.557	18.421.655.818
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(64.495.152)	1.340.273.134
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(57.432.884.346)	(48.836.777.640)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.674.382.476)	(42.400.006.709)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		674.816.960	177.043.086
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(28.543.354.899)	(21.893.463.340)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.545.358.068	(139.695.219.665)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(50.524.584.420)	(65.257.553.117)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		28.125.261.818	369.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(73.000.000.000)	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		42.500.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.234.277.894	1.056.154.654
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(51.665.044.708)	(68.832.307.554)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.252.110.489.908	2.247.880.803.755
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.354.327.304.853)	(1.953.539.304.005)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.435.266.280)	(13.785.150.443)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.863.651.200)	(75.763.053.580)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(110.515.732.425)	204.793.295.727
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(63.635.419.065)	(3.734.231.492)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		344.734.620.233	393.311.149.877
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	281.099.201.168	389.576.918.385

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng




TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN*Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ giai đoạn từ 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong Quý 2 và lũy kế 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ giảm lần lượt là 28% và 30% nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên liệu đầu vào tăng tuy nhiên giá bán tăng không tương ứng với tỷ lệ tăng của giá nguyên liệu. Bên cạnh đó Công ty cũng thực hiện các chương trình khuyến mãi nên chi phí cũng tăng hơn so với cùng kỳ.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%
3.	Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
4.	Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%
5.	Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.161 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.193 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Kập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị số kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Số năm

Loại tài sản vô hình

Phần mềm

07 – 10

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: phân bón thành phẩm và nguyên liệu phân bón.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.243.493.688	9.696.511.911
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	159.855.707.480	294.038.108.322
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	118.000.000.000	41.000.000.000
Cộng	<u>281.099.201.168</u>	<u>344.734.620.233</u>

^(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	898.629.077.475	456.871.750.759
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	10.678.596.865	25.734.142.040
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	146.831.053.059	62.075.420.301
- Công ty TNHH MTV Phong Châu	23.267.955.856	23.787.833.356
- Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê	20.501.762.000	18.005.057.000
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	48.026.544.267	16.731.168.200
- Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	46.838.686.417	15.907.274.600
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	26.391.740.146	21.376.336.496
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	15.685.315.262	12.043.346.512
- Công ty CP XNK Phân bón Minh Tân	54.767.408.985	-
- Các khách hàng khác	505.640.014.618	261.211.172.254
Cộng	<u>898.629.077.475</u>	<u>456.871.750.759</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu là trả trước cho các lô hàng nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	40.049.153.686	27.565.467.249
- Công ty Cp Nam Gia Hưng	9.207.554.600	180.274.200
- Công ty TNHH TM DV SX Cái Tân Kìa	2.964.799.200	3.500.000.000
- Trả trước cho người bán khác	27.876.799.886	19.147.427.285
Cộng	<u>40.049.153.686</u>	<u>27.565.467.249</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	19.496.819.150		22.322.632.229	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	9.439.410.962	-	4.247.035.767	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.057.408.188		18.075.596.462	-
Cộng	19.496.819.150	-	22.322.632.229	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	2.674.000.000	-	4.932.861.000	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.674.000.000	-	2.674.000.000	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	1.258.861.000	-
- Các khoản ký quỹ khác	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	6.411.502.545	-	8.670.363.545	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	32.564.462.430	-
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	11.260.021.112	-	1.667.213.159.105	-
- Công cụ, dụng cụ	1.411.630.560.640	-	11.938.627.415	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.278.591.195	-	29.975.414.296	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	274.974.469.070		346.698.733.184	
- Hàng hóa	7.297.071.978	-	10.702.350.974	-
Cộng	1.730.440.713.995	-	2.099.092.747.404	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	76.967.394.534	76.967.394.534
Kết chuyển sang TSCĐ hữu hình	(52.755.343.921)	(52.755.343.921)
Số cuối kỳ	24.212.050.613	24.212.050.613
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	24.638.076.954	24.638.076.954
Khấu hao trong kỳ	2.553.308.858	2.553.308.858
Kết chuyển sang TSCĐ hữu hình	(13.728.980.271)	(13.728.980.271)
Số cuối kỳ	13.462.405.541	13.462.405.541
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	52.329.317.580	52.329.317.580
Số cuối kỳ	10.749.645.072	10.749.645.072

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất^(*)</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	299.383.231.275	1.013.777.000	300.397.008.275
Mua trong kỳ	-	-	-
Nhượng bán trong kỳ	(15.006.289.912)	-	(15.006.289.912)
Số cuối kỳ	284.376.941.363	1.013.777.000	285.390.718.363
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.131.520.903	659.821.661	5.791.342.564
Khấu hao trong kỳ	1.000.799.850	72.829.294	1.073.629.144
Nhượng bán trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	6.132.320.753	732.650.955	6.864.971.708
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	294.251.710.372	353.955.339	294.605.665.711
Số cuối kỳ	278.244.620.610	281.126.045	278.525.746.655

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295.000.000 đồng.

- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 13.746.235.979 đồng.

^(*)Quyền sử dụng đất của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, hiện Công ty thuê của Nhà nước. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Quyền sử dụng đất số T00080/QSĐĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.
- Quyền sử dụng 31.829 m² đất thuê (một phần các thửa số 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).
- Quyền sử dụng 5.200 m² đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).
- Quyền sử dụng 4.000 m² đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	41.337.192.473				
- Các hạng mục của nhà máy Bình Điền tại Hồ Chí Minh, Long An	24.486.433.920	18.693.379.150	(6.336.421.550)	-	36.843.391.520
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền MeKong	4.332.445.060	7.672.328.997	-	-	12.004.774.057
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Quảng Trị	2.398.134.000	1.511.466.000	(3.190.717.000)	-	718.883.000
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Lâm Đồng	505.801.735	1.862.987.909	(1.244.968.265)	(1.000.164.011)	123.657.368
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Ninh Bình	9.614.377.758	3.119.313.386	(2.245.526.041)	-	10.488.165.103
Cộng	41.337.192.473	32.859.475.442	(13.017.632.856)	(1.000.164.011)	60.178.871.048

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
Cộng	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP Bình Điền MeKong	254.325.984	-	(42.387.664)	211.938.320
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	451.476.723	-	(75.246.121)	376.230.602
Cộng	705.802.707	-	(117.633.785)	588.168.922

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>396.311.977.253</i>	<i>369.812.665.003</i>
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	91.036.270.820	83.764.277.098
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	13.111.000.000	57.010.015.570
- Công ty TNHH Eastchem	35.898.718.259	10.460.400.000
- Công ty CP Vinacam	10.264.925.000	21.330.596.200
- Công ty TNHH Phân bón Gia Vũ	10.916.317.500	3.257.940.000
- Các nhà cung cấp khác	235.084.745.674	193.989.436.135
Cộng	396.311.977.253	369.812.665.003

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>50.776.720.548</i>	<i>54.506.702.170</i>
- Đặng Văn Lân	6.247.509.939	899.315.649
- Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Tấn Anh	5.330.980.131	-
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	39.198.230.478	53.607.386.521
Cộng	50.776.720.548	54.506.702.170

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	356.959.771	21.873.066	1.295.257.977	(1.130.756.380)	522.695.368	(23.107.066)
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	6.040.183.783	(6.040.183.783)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.067.092.868	16.721.279.191	31.936.924.515	(23.674.382.476)	11.205.153.146	(3.596.797.430)
- Thuế thu nhập cá nhân	2.254.711.040	54.856.851	4.532.552.126	(6.121.883.480)	808.780.863	(198.258.028)
- Thuế nhà đất, thuế đất	1.005.161.231	-	316.534.517	(1.321.695.748)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	17.500.000	(17.500.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
Cộng	134.371.545.565	16.798.009.108	116.168.635.321	(138.289.942.835)	127.224.250.032	(3.818.162.524)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất:

- Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất phổ thông 20%.
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, năm 2018 là năm thứ 7 được hưởng thuế suất ưu đãi.

- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Công ty CP Bình Điền Ninh Bình giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (bắt đầu từ năm 2017), năm 2018 là năm thứ 02 được giảm 50%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.369.005.633	253.999.390.505
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.143.510.914	705.782.380
+ Chi phí không hợp lý	1.025.877.129	588.148.595
+ Phân bổ Lợi thế thương mại do hợp nhất	117.633.785	117.633.785
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	177.512.516.547	254.705.172.885
Trong đó: Thu nhập chịu thuế được giảm 50% thuế	30.008.525.134	44.787.635.511
Lỗi các năm trước được chuyển sang	-	-
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (20%)	35.502.503.309	50.941.034.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(564.726.281)	(496.618.898)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(3.000.852.513)	(4.230.454.102)
Thuế TNDN bị truy thu của các năm trước	-	216.607.496
Tổng Thuế TNDN phải nộp	31.936.924.515	46.430.569.073

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	29.226.907.711	51.916.712.287
- Trích trước chi phí khuyến mãi	21.386.373.272	4.116.982.216
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	25.236.677.999	10.944.477.000
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	7.172.713.333	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.186.037.146	1.037.146
Cộng	<u>86.208.709.461</u>	<u>66.979.208.649</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>2.660.000.000</u>	<u>990.869.715</u>
- Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam	2.660.000.000	990.869.715
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	<u>128.481.597.527</u>	<u>44.257.870.665</u>
- Kinh phí công đoàn	1.930.971.839	1.848.473.540
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	582.068.069	2.142.843.218
- Cổ tức phải trả	101.994.399.241	10.800.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	23.974.158.378	29.466.553.907
Cộng	<u>131.141.597.527</u>	<u>46.917.870.665</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác			1.761.154.347.788	1.761.154.347.788
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	-	-	60.140.938.114	60.140.938.114
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	333.576.363.586	333.576.363.586	398.229.897.830	398.229.897.830
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽³⁾	72.472.601.775	72.472.601.775	35.821.666.700	35.821.666.700
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁴⁾	74.259.620.093	74.259.620.093	65.142.128.520	65.142.128.520
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁵⁾	80.388.151.591	80.388.151.591	104.523.457.300	104.523.457.300
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	351.704.720.907	351.704.720.907	403.867.954.280	403.867.954.280
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁷⁾	-	-	32.340.996.000	32.340.996.000
- Ngân hàng TNHH MTV	204.575.000.000	204.575.000.000	98.957.780.672	98.957.780.672

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Shinhan Việt Nam ⁽⁸⁾				
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM ⁽⁹⁾	20.450.661.785	20.450.661.785	25.257.854.209	25.257.854.209
- Vay nhân viên công ty				
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁰⁾	149.855.051.152	149.855.051.152	139.605.309.158	139.605.309.158
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – CN Tp.HCM ⁽¹¹⁾	79.492.101.065		78.569.722.093	78.569.722.093
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽¹²⁾	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽¹³⁾	88.385.000.000	88.385.000.000	68.450.000.000	68.450.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng	43.618.784.880	43.618.784.880	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁴⁾	107.366.004.444	107.366.004.444	224.246.642.912	224.246.642.912
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.043.156.946	2.043.156.946	8.478.423.226	8.478.423.226
Cộng	1.608.187.218.224	1.608.187.218.224	1.769.632.771.014	1.769.632.771.014

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Tây theo Hợp đồng số BIT.DN.212.290817 ngày 19 tháng 08 năm 2017. Hạn mức: 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 17.2990270/HĐCV/NHCT900-BFC ngày 02/10/2017. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số HĐTD5082017151 ngày 01 tháng 09 năm 2017. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số 0246/2017/5762220/HĐTD ngày 24 tháng 11 năm 2017. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

-
- (5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 60/2017/5762220/HĐTD ngày 15 tháng 09 năm 2017. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0073/KHDN1/17NH ngày 15 tháng 05 năm 2017, Hạn mức 700.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (7) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201600653 ngày 25 tháng 08 năm 2016, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6%/năm. Vay tín chấp.
- (8) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo phụ lục hợp đồng số BC_ANNEX/BFC/2017 01 ngày 02/01/2017 của Hợp đồng vay Số BC_HĐTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 10.000.000 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (9) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. HCM theo Hợp đồng số 6209/16/HĐTDHM-DN/166 ngày 02/11/2016. Hạn mức: 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (10) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 170260108/2017- HĐTDHM/NHCT923-CTBINHDIENMEKONG ngày 21/11/2017. Hạn mức tín dụng : 150.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Là toàn bộ nợ phải thu luân chuyển (Hợp Đồng Thế Chấp Quyền Tài Sản số 130270162/VBSĐBSHĐTC). Toàn hàng hóa luân chuyển với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng) (Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 150270079 -1/VBSĐBSHĐTC)..
- (11) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng vay số 0171/ KHDN1/17NH ngày 15/08/2017. Hạn mức tín dụng : 80.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Tám mươi tỷ đồng). Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: sử dụng một, một số hoặc tất cả các khoản cấp tín dụng. Vay tín chấp.
- (12) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV - 201702549 ngày 12/12/2017 giữa Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam - CN Quảng Trị và Công ty CP Bình Điền Quảng Trị. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Cho vay không cần đảm bảo tài sản với mức vay từ 30.000.000.000 đồng trở xuống. Khoản vay hiện tại chưa cần tài sản đảm bảo.
- (13) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1610/2017-HĐCVHM/NHCT450-BINH DIEN ngày 19/10/2017. Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 1908/2016-HĐTDHM/450-CT BINH DIEN ngày 19/08/2016). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động - Kinh doanh phân bón. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty theo HĐ thế chấp hàng hóa số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014 (Xem T.Minh V.4); Thế chấp toàn bộ các khoản nợ phải thu của Công ty theo HĐ thế chấp hàng hóa số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014 (Xem T.Minh V.2); Thế chấp toàn bộ TSCĐ thuộc quyền sở hữu của Công ty theo HĐ thế chấp tài sản số 3006/2017/HĐTC ngày 30/06/2017 và số 3008/2017/HĐTC ngày 01/09/2017 giữa NH TMCP Công Thương VN - CN Quảng Trị và Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị.

⁽¹⁴⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐTDHM/NHCT400-BĐ ngày 26/04/2017;

Hạn mức vay: 250.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng;

Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 06/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.

+ Tài sản đảm bảo 2: Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017-HĐTCĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung 3.1: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 01-HĐTCHH/NHCT400 ngày 15/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung 3.2: Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016/HĐTCPT/NHCT400 ngày 20/07/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.761.154.347.788	2.173.645.858.658	(2.328.656.145.168)	1.606.144.061.278
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.478.423.226	-	(6.435.266.280)	2.043.156.946
Cộng	1.769.632.771.014	2.173.645.858.658	(2.335.091.411.448)	1.608.187.218.224

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	222.790.656.509	222.790.656.509	169.997.184.944	169.997.184.944
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	21.322.100.000	21.322.100.000	16.596.604.000	16.596.604.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM ⁽²⁾	32.125.279.561	32.125.279.561	33.585.587.253	33.585.587.253
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽³⁾	169.343.276.948	169.343.276.948	119.814.993.691	119.814.993.691
Nợ thuê tài chính	773.629.242	773.629.242	773.629.242	773.629.242
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽⁴⁾	773.629.242	773.629.242	773.629.242	773.629.242
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	-	-	-
Cộng	223.564.285.751	223.564.285.751	170.770.814.186	170.770.814.186

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015- HỘTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân, ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng. Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015. Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số 0209/KHDN1/16DH ngày 12/12/2016. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ân hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn mức tín dụng: 37.968.000.000 đồng nhưng tối đa không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của dự án. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số 06/2016/HỘTLĐ - TTCIZ ngày 25/08/2016.

⁽³⁾ Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HỘTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015; Mục đích vay: đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền-Ninh Bình; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HỘTCBĐS/NHCT400 ngày 05 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Hợp đồng số 09/2015 – HĐTCĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT400-BĐ ngày 20/11/2017; Hạn mức cho vay: 96.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 72 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

- + Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 06/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.
- + Tài sản đảm bảo 2: Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017-HĐTCĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.
- + Tài sản đảm bảo bổ sung 3.1: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 01-HĐTCHH/NHCT400 ngày 15/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.
- + Tài sản đảm bảo bổ sung 3.2: Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016/HĐTCPT/NHCT400 ngày 20/07/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo

⁽⁴⁾Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	223.564.285.751	170.770.814.186
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>223.564.285.751</u>	<u>170.770.814.186</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn	169.997.184.944	78.464.631.250	(25.671.159.685)	222.790.656.509
Nợ thuê tài chính	773.629.242	-	-	773.629.242
Cộng	<u>170.770.814.186</u>	<u>78.464.631.250</u>	<u>(25.671.159.685)</u>	<u>223.564.285.751</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	14.436.091.941	45.895.713.467	674.816.960	(28.562.937.939)	32.443.684.429
Cộng	<u>14.436.091.941</u>	<u>45.895.713.467</u>	<u>674.816.960</u>	<u>(28.562.937.939)</u>	<u>32.443.684.429</u>

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	<u>571.679.930.000</u>	<u>100,00</u>	<u>571.679.930.000</u>	<u>100,00</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		
	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp</u>	<u></u>
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
Cộng	<u>571.679.930.000</u>	<u>571.679.930.000</u>	-

20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	476.400.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	(85.751.989.500)	(57.167.993.000)

20d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

20e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.281.925,43	2.155.534,32
Euro (EUR)	56,6	72,8

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu hoạt động bán thành phẩm	3.357.013.097.896	3.263.042.877.118
- Doanh thu hoạt động dịch vụ, khác	45.527.217.517	10.560.029.382
Cộng	<u>3.402.540.315.413</u>	<u>3.273.602.906.500</u>

2. Các khoản giảm trừ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	57.015.534.207	50.137.127.865
Cộng	<u>57.015.534.207</u>	<u>50.137.127.865</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.875.432.203.657	2.719.357.731.067
- Giá vốn hoạt động dịch vụ, khác	18.384.032.992	3.253.119.689
Cộng	<u>2.893.816.236.649</u>	<u>2.722.610.850.756</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi	1.234.277.894	1.056.154.654
- Khác	1.462.201.049	1.233.961.297
Cộng	<u>2.696.478.943</u>	<u>2.290.115.951</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	57.432.884.346	48.836.777.640
- Chiết khấu thanh toán	13.708.365.703	15.496.341.650
- Khác	496.416.331	2.165.874.765
Cộng	<u>71.637.666.380</u>	<u>66.498.994.055</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	7.134.716.223	7.896.751.317
- Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị	52.729.696.529	33.500.745.920
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	38.198.325.000	21.856.239.772
- Chi phí hàng quà tặng	17.919.162.076	4.832.702.298
- Chi phí vận chuyển	12.641.499.520	8.040.405.114
- Chi phí mua ngoài và bằng tiền khác	31.831.781.504	50.392.754.921
Cộng	<u>160.455.180.852</u>	<u>126.519.599.342</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên	26.239.734.027	22.943.923.414
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.665.953.744	2.444.619.061
- Lợi thế thương mại	117.633.785	117.633.785
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	30.017.716.406	30.378.258.354
Cộng	<u>59.041.037.962</u>	<u>55.884.434.614</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	13.118.971.906	369.090.909
- Thu nhập khác	633.878.583	240.568.397
Cộng	<u>13.752.850.489</u>	<u>609.659.306</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí khác	654.983.162	852.284.620
Cộng	<u>654.983.162</u>	<u>852.284.620</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.936.924.515	46.213.961.577
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	216.607.496
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>31.936.924.515</u>	<u>46.430.569.073</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	106.782.573.734	167.983.277.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	10.678.257.373	(13.438.662.209)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	96.104.316.361	154.544.615.404
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.681	2.703

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Kỳ này được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Kỳ này.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/04/2017.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	106.782.573.734	167.983.277.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	10.678.257.373	(13.438.662.209)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	96.104.316.361	154.544.615.404
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.681	2.703

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Kỳ này được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Kỳ này.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.522.928.962.202	2.532.930.819.546
- Chi phí nhân công	149.302.117.559	151.849.566.763
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.904.363.661	32.180.598.399
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	281.211.984.665	234.906.555.118
Cộng	2.992.347.428.087	2.951.867.539.826

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương, thưởng và thù lao	3.417.080.002	2.853.465.000
Cổ tức đã nhận bằng tiền	-	180.976.000
Cộng	<u>3.417.080.002</u>	<u>3.034.441.000</u>

2b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Mối quan hệ

Là công ty mẹ (chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty CP Phân bón Bình Điền)

<i>Nội dung giao dịch:</i>	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Phân bón Bình Điền chi cổ tức	-	37.159.200.000
Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu khác	3.737.502.545 (tại ngày 30/06/2018)	3.737.502.545 (tại ngày 31/12/2017)
Công ty CP Phân bón Bình Điền phải trả khác	2.660.000.000 (tại ngày 30/06/2018)	2.660.000.000 (tại ngày 31/12/2017)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

3. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**Kỳ này**

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.901.394.164.131	444.130.617.075	3.345.524.781.206
Giá vốn hàng bán	2.522.539.472.754	371.276.763.895	2.893.816.236.649
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	378.854.691.377	72.853.853.180	451.708.544.557

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.808.287.655.207	415.178.123.428	3.223.465.778.635
Giá vốn hàng bán	2.352.928.007.512	369.682.843.244	2.722.610.850.756
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	455.359.647.695	45.495.280.184	500.854.927.879

4. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ**Mã số 36. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu**

- Công ty mẹ đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông
- Các công ty con đã trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát

Cộng**Kỳ này****Kỳ trước**

-	-
1.863.651.200	75.763.053.580
1.863.651.200	75.763.053.580

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.18a, V.18b).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	457.822.460.664	206.328.711.656	38.637.272.088	4.366.733.308	11.589.279.483	718.744.457.199
2. Tăng trong kỳ	12.655.861.474	67.307.930.941	2.948.880.000	1.051.250.000	474.327.351	84.438.249.766
- Tăng do mua mới	5.361.290.974	14.426.701.020	2.948.880.000	1.051.250.000	-	23.788.121.994
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	7.294.570.500	-	-	-	474.327.351	7.768.897.851
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	52.881.229.921	-	-	-	52.881.229.921
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	470.478.322.138	273.636.642.597	41.586.152.088	5.417.983.308	12.063.606.834	803.182.706.965
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng	23.688.700.835	33.423.717.762	7.994.536.056	1.487.059.539	-	66.594.014.192
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	140.132.971.294	121.779.807.062	21.377.444.290	3.119.070.902	2.604.737.976	289.014.031.524
2. Tăng trong năm	19.325.976.717	25.864.847.264	2.383.197.168	337.503.393	1.094.881.387	49.006.405.929
- Khấu hao trong kỳ	19.325.976.717	12.135.866.993	2.383.197.168	337.503.393	1.094.881.387	35.277.425.658
- Tài sản thuê tài chính kết chuyển sang	-	13.728.980.271	-	-	-	13.728.980.271
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	159.458.948.011	147.644.654.326	23.760.641.458	3.456.574.295	3.699.619.363	338.020.437.453
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	317.689.489.370	84.548.904.594	17.259.827.798	1.247.662.406	8.984.541.507	429.730.425.675
2. Tại ngày cuối năm	311.019.374.127	125.991.988.271	17.825.510.630	1.961.409.013	8.363.987.471	465.162.269.512

(*) Tăng khác, giảm khác trong kỳ là khoản phân loại lại tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.594.014.192

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 206.326.397.376

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Tổng Giám Đốc

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu (1)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018								
Tại ngày 31/12/2017	571.679.930.000	15.050.059.200	-	122.111.329.093	11.927.892.981	253.904.393.401	246.178.995.861	1.220.852.600.536
Tăng trong kỳ	-	4.590.000.000	-	46.451.451.814	1.263.940.074	106.782.573.734	37.649.507.384	196.737.473.006
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	106.782.573.734	37.649.507.384	144.432.081.118
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	46.451.451.814	1.263.940.074	-	-	47.715.391.888
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	4.590.000.000	-	-	-	-	-	4.590.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	(4.590.000.000)	-	(167.162.365.448)	(50.521.017.281)	(222.273.382.729)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(46.451.451.814)	-	(46.451.451.814)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(1.263.940.074)	-	(1.263.940.074)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(33.694.984.060)	(13.073.345.370)	(46.768.329.430)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(85.751.989.500)	(37.447.671.911)	(123.199.661.411)
- Trích Vốn đầu tư chủ sở hữu	-	-	-	(4.590.000.000)	-	-	-	(4.590.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	571.679.930.000	19.640.059.200	-	163.972.780.907	13.191.833.055	193.524.601.687	233.307.485.964	1.195.316.690.813

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2018.

Tổng Giám Đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG